

Số: 64 BC/ĐHTDM

Bình Dương, ngày 18 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Năm học 2024-2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên trường

- Tên Tiếng Việt: Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- Tên Tiếng Anh: Thu Dau Mot University

1.2. Địa chỉ

- Cơ sở 1: Số 06 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- Cơ sở 2: Đường DA1, khu phố 5, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, Bình Dương.

1.3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Đại học Thủ Dầu Một là đại học công lập do UBND tỉnh Bình Dương quản lý.

1.4. Sứ mệnh – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục

- Sứ mệnh: Là trung tâm văn hóa, giáo dục và khoa học, công nghệ; cung cấp nguồn nhân lực và sản phẩm khoa học công nghệ có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế tỉnh Bình Dương, miền Đông Nam Bộ và cả nước.

- Tầm nhìn: Trở thành trường đại học thông minh với nhiều trường thành viên, vào bảng xếp hạng 350 Châu Á năm 2030, người học có năng lực làm việc trong và ngoài nước.

- Giá trị cốt lõi:

+ Khát vọng (Aspiration): có ý thức phấn đấu vươn lên đỉnh cao trí thức, ước vọng tới những điều tốt đẹp và quyết tâm thực hiện một cách mạnh mẽ nhất.

+ Trách nhiệm (Responsibility): có thái độ tích cực và tinh thần trách nhiệm với chính mình, với gia đình, xã hội, Tổ quốc, nhân loại; có đủ năng lực và kỹ năng để chịu trách nhiệm.

+ Sáng tạo (Creativity): có tư duy đổi mới, có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để tạo ra giá trị mới đáp ứng yêu cầu và phục vụ cho sự phát triển của xã hội.

- Triết lý giáo dục: Nghiên cứu khoa học - Học tập trải nghiệm - Phục vụ cộng đồng.

Tạo ra môi trường, văn hoá học tập và nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng của sinh viên. Mục tiêu đào tạo sinh viên trở thành người hữu ích của xã hội, có ý thức phục vụ cộng đồng và thể hiện trách nhiệm của người trí thức thông qua việc học tập trải nghiệm để hình thành năng lực nghề nghiệp, khả năng NCKH, lòng đam mê sáng tạo và sự tôn trọng đạo đức nghề nghiệp.

1.5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Sau ngày miền Nam giải phóng, nhằm đáp ứng nhu cầu giáo viên tiểu học, tỉnh Sông Bé đã thành lập Trường Trung học Sư phạm và một số cơ sở đào tạo giáo viên mầm non, mẫu giáo. Đến năm 1991, các cơ sở sư phạm được sáp nhập, hình thành Trường Cao đẳng Sư phạm Sông Bé – nơi đào tạo giáo viên từ bậc mầm non đến trung học cơ sở. Khi tỉnh Bình Dương tái lập (1997), Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương, trở thành cơ sở đào tạo quan trọng của địa phương.

Để đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, tỉnh Bình Dương chủ trương thành lập trường đại học. Sau quá trình chuẩn bị công phu, ngày 24/6/2009, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập Trường Đại học Thủ Dầu Một trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.

Trường Đại học Thủ Dầu Một xác định sứ mệnh trở thành đại học đa ngành, định hướng ứng dụng, chất lượng cao. Trường đạt nhiều chuẩn kiểm định trong và ngoài nước, là thành viên các tổ chức giáo dục uy tín (AUN, CDIO...). Công bố khoa học quốc tế tăng mạnh, nhiều đề tài được chuyển giao, phục vụ phát triển địa phương.

Giai đoạn 2025–2030, trường hướng tới mô hình đại học hai cấp, tự chủ toàn diện, chuyển đổi số, xây dựng môi trường giáo dục thông minh – hạnh phúc, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Bình Dương và khu vực.

1.6 Thông tin người đại diện pháp luật

- Người đại diện pháp luật: TS. Đoàn Ngọc Xuân – Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Số 06 Trần Văn Ơn, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

1.7. Tổ chức bộ máy

1.7.1. Quyết định công nhận Hội đồng Trường

- Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Quyết định số 644/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028;

- Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028.

1.7.2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định số 2627/QĐ-UBND ngày 10/9/2024 của UBND tỉnh Bình Dương về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Quyết định số 06/QĐ-HĐT ngày 27/9/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028.

- Quyết định số 130/QĐ-HĐT ngày 03/06/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023 – 2028.

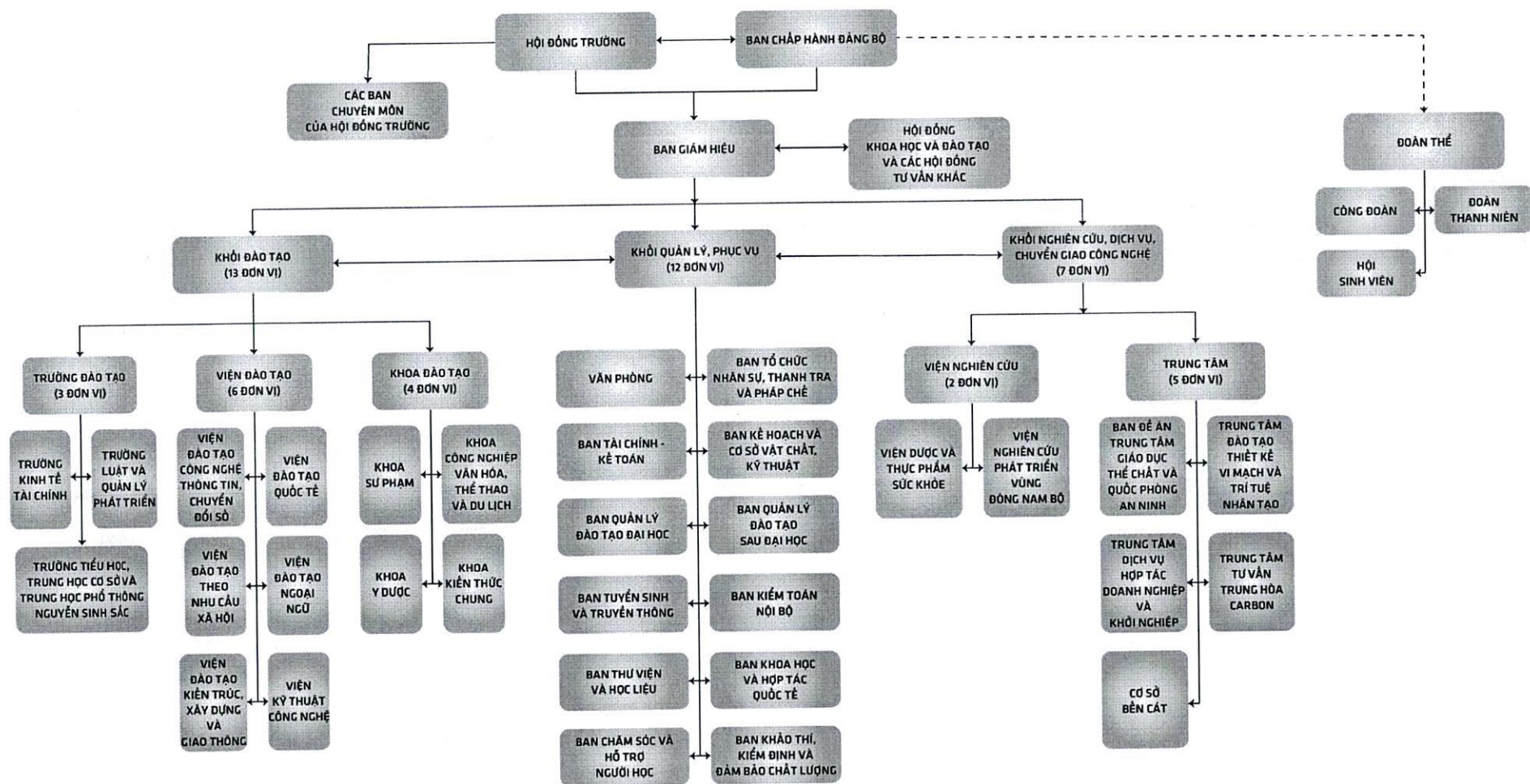
1.7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

- Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

- Nghị quyết số 91/NQ-HĐT ngày 28/3/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐT ngày 01/7/2024 của Hội đồng Trường.

1.7.4. Sơ đồ tổ chức bộ máy

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
(THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 26/NQ-HĐT NGÀY 08/4/2024 CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT)



1.7.5. Văn bản thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 08/4/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc quyết định cơ cấu tổ chức các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Thủ Dầu Một.
- Quyết định số 58/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Trường Kinh tế tài chính.
- Quyết định số 59/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Trường Luật và quản lý phát triển.
- Quyết định số 60/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Kỹ thuật công nghệ.
- Quyết định số 61/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Khoa Công nghiệp văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Quyết định số 62/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Khoa Kiến thức chung.
- Quyết định số 63/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Đào tạo ngoại ngữ.
- Quyết định số 64/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Viện Đào tạo Kiến trúc, xây dựng và giao thông.
- Quyết định số 65/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Đào tạo công nghệ thông tin, chuyển đổi số.
- Quyết định số 66/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Đào tạo quốc tế.
- Quyết định số 67/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Đào tạo theo nhu cầu xã hội.
- Quyết định số 68/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Viện Dược và thực phẩm sức khỏe.
- Quyết định số 69/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Trung tâm Đào tạo thiết kế vi mạch và trí tuệ nhân tạo.
- Quyết định số 70/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Cơ sở Bến Cát.
- Quyết định số 71/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế.
- Quyết định số 72/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Quản lý Đào tạo đại học.

- Quyết định số 73/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Quản lý Đào tạo sau đại học.

- Quyết định số 74/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc đổi tên gọi Phòng Tài chính – Kế toán thành Ban Tài chính – Kế toán.

- Quyết định số 75/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Kế hoạch và cơ sở vật chất, kỹ thuật.

- Quyết định số 76/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Thư viện và học liệu.

- Quyết định số 77/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng.

- Quyết định số 78/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Tuyển sinh và truyền thông.

- Quyết định số 79/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Khoa học và hợp tác quốc tế.

- Quyết định số 80/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ.

- Quyết định số 81/QĐ-HĐT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc thành lập Ban Chăm sóc và hỗ trợ người học.

1.7.6. Thông tin lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
1	Lê Thị Kim Út	Công đoàn Trường	Chủ tịch	utltk@tdmu.edu.vn
2	Trần Thị Kim Ngọc	Ban Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế	Trưởng ban	ngoctk@tdmu.edu.vn
3	Nguyễn Hữu Toán		Phó Trưởng ban	toannh@tdmu.edu.vn
4	Nguyễn Thy Hạ		Phó Trưởng ban	hant.tc@tdmu.edu.vn
5	Mai Văn Dũng	Văn phòng	Phụ trách Văn phòng	dungmv@tdmu.edu.vn
6	Nguyễn Thị Thương		Phó Chánh Văn phòng	thuongnt@tdmu.edu.vn
7	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	Ban Chăm sóc và hỗ trợ người học	Phụ trách ban	anhpnq@tdmu.edu.vn
8	Phạm Thanh Dũng	Ban Kế hoạch và cơ sở vật chất, kỹ thuật	Trưởng ban	dungpt@tdmu.edu.vn
9	Nguyễn Khoa Trường An	Ban Khoa học và hợp tác quốc tế	Trưởng ban	truongan@tdmu.edu.vn
10	Đào Minh Trung		Phó Trưởng ban	trungdm@tdmu.edu.vn
11	Phạm Văn Thịnh		Phó Trưởng ban	thinhpv@tdmu.edu.vn
12	Nguyễn Thị Vinh	Ban Quản lý Đào tạo đại học	Phụ trách ban	vinhnt@tdmu.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
13	Bành Quốc Tuấn	Ban Quản lý Đào tạo sau đại học	Trưởng ban	tuانبq@tdmu.edu.vn
14	Trần Thị Thanh Hằng	Ban Tài chính – Kế toán	Trưởng ban	hangttt@tdmu.edu.vn
15	Trần Cẩm Thi	Ban Khảo thí, kiểm định và đảm bảo chất lượng	Phụ trách ban	thitc@tdmu.edu.vn
16	Nguyễn Thị Mộng Ngọc		Phó Trưởng ban	ngocntm@tdmu.edu.vn
17	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Ban Kiểm toán nội bộ	Phụ trách ban	hoangyennt@tdmu.edu.vn
18	Nguyễn Minh Danh	Ban Thư viện và học liệu	Trưởng ban	danhnm@tdmu.edu.vn
19	Lê Đăng Hoa	Ban Tuyển sinh và truyền thông	Phụ trách ban	hoald@tdmu.edu.vn
20	Đỗ Thị Thanh Xuân		Phó Trưởng ban	xuandtt@tdmu.edu.vn
21	Nguyễn Thị Lưu An	Khoa Công nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch	Phụ trách khoa	anntl@tdmu.edu.vn
22	Lý Văn Ngoan		Phó Trưởng khoa	ngoanlv@tdmu.edu.vn
23	Trần Văn Trung	Khoa Kiến thức chung	Trưởng khoa	trungtv@tdmu.edu.vn
24	Phạm Hồng Kiên		Phó Trưởng khoa	kienph@tdmu.edu.vn
25	Đông Văn Toàn	Khoa Sư phạm	Trưởng khoa	toandv@tdmu.edu.vn
26	Nguyễn Văn Chiến	Trường Kinh tế tài chính	Phụ trách trường	chiennv@tdmu.edu.vn
27	Trần Thị Thanh Hằng		Phó Hiệu trưởng	hangttt@tdmu.edu.vn
28	Trần Thị Anh Thư	Trường Luật và quản lý phát triển	Phụ trách trường	thutta@tdmu.edu.vn
29	Bùi Việt Thi	Viện Đào tạo kiến trúc, xây dựng và giao thông	Phụ trách viện	thibv@tdmu.edu.vn
30	Phan Thành Nhân		Phó Viện trưởng	nhanpt@tdmu.edu.vn
31	Trần Thanh Dũ	Viện Đào tạo ngoại ngữ	Phụ trách viện	dutt@tdmu.edu.vn
32	Bùi Đức Anh		Phó Viện trưởng	anhbd@tdmu.edu.vn
33	Lê Thị Thùy Dung	Viện Đào tạo Y Dược	Phụ trách viện	dunglgt@tdmu.edu.vn
34	Nguyễn Hồ Quang	Viện Kỹ thuật công nghệ	Phụ trách viện	quangnh@tdmu.edu.vn
35	Võ Trà Nam		Phó Viện trưởng	namvt@tdmu.edu.vn
36	Bùi Thanh Khiết	Viện Đào tạo công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Phụ trách viện	khietbt@tdmu.edu.vn
37	Nguyễn Thanh Bình	Viện Đào tạo quốc tế	Phụ trách viện	binhnt@tdmu.edu.vn
38	Ngô Hồng Điệp	Viện Đào tạo theo nhu cầu xã hội	Viện trưởng	diepnh@tdmu.edu.vn
39	Lê Nguyễn Xuân Lan		Phó Viện trưởng	lanlnx@tdmu.edu.vn
40	Nguyễn Văn Trường		Phó Viện trưởng	truongnv@tdmu.edu.vn
41	Nguyễn Thị Liên	Viện Dược và	Phụ trách viện	thuongntl@tdmu.edu.vn

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Email
	Thương	thực phẩm sức khỏe		
42	Phạm Ngọc Trâm	Viện Nghiên cứu phát triển vùng Đông Nam Bộ	Phụ trách viện	trampn@tdmu.edu.vn
43	Đinh Thanh Sang		Phó Viện trưởng	sangdt@tdmu.edu.vn
44	Nguyễn Bá Duy	Trung tâm Dịch vụ, Hợp tác doanh nghiệp và Khởi nghiệp	Phụ trách trung tâm	duynb@tdmu.edu.vn
45	Trương Thị Thủy Tiên		Phó Giám đốc	tienttt@tdmu.edu.vn
46	Lê Quốc Cường	Trung tâm Đào tạo thiết kế vi mạch và Trí tuệ nhân tạo	Phụ trách trung tâm	cuonglq@tdmu.edu.vn
47	Nguyễn Hiền Thân	Trung tâm Tư vấn trung hòa carbon	Phụ trách trung tâm	thanhnh@tdmu.edu.vn
48	Nguyễn Hữu Thuận	Cơ sở Bến Cát	Giám đốc	thuannh@tdmu.edu.vn

1.7.7. Các văn bản của cơ sở giáo dục (Phụ lục kèm theo)

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
1	Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên	25,92%	24,12%
2	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	96,62%	98,93%
3	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	24,31%	23,31%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	868		513	354	47	
1.1	Trình độ Đại học	761		513	248	29	
1.1.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	70		46	24	1	
1.1.2	Lĩnh vực Nghệ thuật	33		22	11	1	
1.1.3	Lĩnh vực Nhân văn	75		61	14	3	
1.1.4	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	47		30	17	1	

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1.1.5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	15		8	7		
1.1.6	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	125		98	27	4	
1.1.7	Lĩnh vực Pháp luật	38		30	8	2	
1.1.8	Lĩnh vực Khoa học sự sống	16		9	7	1	
1.1.9	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	16		6	10	2	
1.1.10	Lĩnh vực Toán và thống kê	13		8	5	1	
1.1.11	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	61		35	26	3	
1.1.12	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	83		60	23	2	
1.1.13	Lĩnh vực Kỹ thuật	55		28	27	2	
1.1.14	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	30		17	13	3	
1.1.15	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng	41		32	9		
1.1.16	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	10		4	6		
1.1.17	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	15		10	5	1	
1.1.18	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	18		9	9	2	
1.2	Trình độ Thạc sĩ	99			98	17	
1.2.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	11			10	1	
1.2.2	Lĩnh vực Nhân văn	24			24	3	
1.2.3	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	24			24	4	
1.2.4	Lĩnh vực Pháp luật	10			10	2	
1.2.5	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	14			14	4	
1.2.6	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	8			8	2	
1.2.7	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	8			8	1	
1.3	Trình độ Tiến sĩ	8			8	1	
	Lĩnh vực Nhân văn	8			8	1	
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	853		513	339	37	

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2.1	Trình độ Đại học	751		513	339	23	
2.1.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	70		46	24	1	
2.1.2	Lĩnh vực Nghệ thuật	33		22	11	1	
2.1.3	Lĩnh vực Nhân văn	73		61	12	2	
2.1.4	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi	46		30	16		
2.1.5	Lĩnh vực Báo chí và thông tin	15		8	7		
2.1.6	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	125		98	27	4	
2.1.7	Lĩnh vực Pháp luật	37		30	7	1	
2.1.8	Lĩnh vực Khoa học sự sống	16		9	7	1	
2.1.9	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	16		6	10	2	
2.1.10	Lĩnh vực Toán và thống kê	13		8	5	1	
2.1.11	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	59		35	24	2	
2.1.12	Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật	82		60	22	2	
2.1.13	Lĩnh vực Kỹ thuật	54		28	26	1	
2.1.14	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến	29		17	12	2	
2.1.15	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng	40		32	8		
2.1.16	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	10		4	6		
2.1.17	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	15		10	5	1	
2.1.18	Lĩnh vực Môi trường và bảo vệ môi trường	18		9	9	2	
2.2	Trình độ Thạc sĩ	94			93	13	
2.2.1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	11			10	1	
2.2.2	Lĩnh vực Nhân văn	23			23	2	
2.2.3	Lĩnh vực kinh doanh và quản lý	23			23	4	
2.2.4	Lĩnh vực Pháp luật	9			9	1	
2.2.5	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	14			14	4	

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2.2.6	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	7			7	1	
2.2.7	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	7			7		
2.3	Trình độ Tiến sĩ	8			8	1	
	Lĩnh vực Nhân văn	8			8	1	

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	30	42
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	79	82
3	Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	17,38%	20,46%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
1	Diện tích đất/người học (m ²)	34,83 m ² /sv	34,83 m ² /sv
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	2,56 m ² /sv	2,56 m ² /sv
3	Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	4,43 m ² /GV	
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	484	483,66
5	Số bản sách/người học	4,9	4,85
6	Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	15%	15%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	338,39	417,14

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	06 Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	51.140	42.293

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
2	Cơ sở Bến Cát	Đường DA1, khu phố 5, phường Thới Hòa, thành phố Bến Cát, Bình Dương	576.195	6.117
Tổng cộng			642.641	48.410

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (đồng)
1	Đầu tư bổ sung máy lạnh phòng học	Trụ sở chính	3.720.000.000
2	Mua sắm thiết bị Hệ thống mạng wifi	Trụ sở chính	2.733.603.400
Tổng cộng			6.453.603.400

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM CEA).

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt chuẩn chất lượng.

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đến ngày 28 tháng 3 năm 2028.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
2.	7140218	Sư phạm Lịch sử	Sư phạm Lịch sử	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
3.	7140202	Giáo dục Tiểu học	Giáo dục Tiểu học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
4.	7140201	Giáo dục Mầm non	Giáo dục Mầm non	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	30/3/2020 - 30/3/2025
5.	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021- 26/2/2026
6.	7380101	Luật	Luật	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021- 26/2/2026

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
				học Vinh	
7.	7140101	Giáo dục học	Giáo dục học	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021-26/2/2026
8.	7850101	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	26/2/2021-26/2/2026
9.	7580101	Kiến trúc	Kiến trúc	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	28/5/2021-28/5/2026
10.	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ thuật xây dựng	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	28/5/2021-28/5/2026
11.	7760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	28/5/2021-28/5/2026
12.	8760101	Công tác xã hội	Công tác xã hội	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
13.	8140114	Quản lý giáo dục	Quản lý giáo dục	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
14.	8340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
15.	8220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
16.	8220121	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
17.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
18.	7510601	Quản lý công nghiệp	Quản lý công nghiệp	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
19.	7850103	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
20.	7310205	Quản lý nhà nước	Quản lý nhà nước	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh	01/8/2022 - 01/8/2027
21.	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Kỹ thuật phần mềm	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
22.	7440112	Hoá học	Hoá học	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
23.	7520201	Kỹ thuật điện	Kỹ thuật điện	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
24.	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	19/01/2020 - 18/01/2025
25.	7480104	Hệ thống thông tin	Hệ thống thông tin	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027
26.	7340301	Kế toán	Kế toán	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027
27.	7440301	Khoa học môi trường	Khoa học môi trường	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027
28.	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng	ASEAN University Network - Quality Assurance (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN)	24/07/2022-23/7/2027

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024	Ghi chú
1	Tỷ lệ nhập học trung bình 03 năm	96,2%	97%	
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 03 năm	10,21%	12,1%	
3	Tỷ lệ thôi học	7,37%	3,6%	
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	0,7%	0,3%	
5	Tỷ lệ tốt nghiệp	45.50% ¹	65.5%	
6	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn	47.52 ¹ %	61.8%	

¹ Tỷ lệ ước tính của đợt 1 năm học 2024-2025

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024	Ghi chú
	viên			
8	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	79,72%	78,05%	
9	Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	82%	78%	Số liệu được lấy từ năm học 2022-2023 và 2023-2024

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm ²
I	Đại học				
1	Chính quy	17.197	4.314	2.480	92.89% ³
2	Vừa làm vừa học	534	291	176	100%
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	56	21	31	100%
1	Lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên	70	0	18	100%
2	Lĩnh vực Nhân văn	115	34	23	100%
3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý, pháp luật	116	46	8	100%
4	Lĩnh vực Pháp luật	19	3	0	100%
5	Lĩnh vực Khoa học tự nhiên	30	7	12	100%
6	Lĩnh vực Máy tính và công nghệ thông tin	15	0	4	100%
7	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội	15	0	4	100%
III	Tiến sĩ				
1	Lĩnh vực Nhân văn	6	0	0	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ	0.0033	0.0042
2	Số công bố khoa học/giảng viên	2,07	2,784
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,3	0,3

² Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng đúng chuyên môn đối với người tốt nghiệp đại học.

³ Số liệu khảo sát sinh viên tốt nghiệp năm 2023

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2024-2025	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,3	0,3

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm 2024
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	-
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	-	-
3	Đề tài cấp cơ sở	38	5.258.735.211
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	-	-
5	Đề tài hợp tác quốc tế	-	-
	Tổng số	38	5.258.735.211

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo 2024-2025 ⁴	Năm trước liên kế năm báo cáo 2023-2024
1	Tổng số bài báo khoa học được HDGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	449	637
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	160	144
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	1 ⁵	4 ⁵
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	1

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liên kế năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	23,86	-

⁴ Số liệu tính đến tháng 5/2025

⁵ Sách chuyên khảo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	17,15	-

2. Kết quả thu chi hoạt động

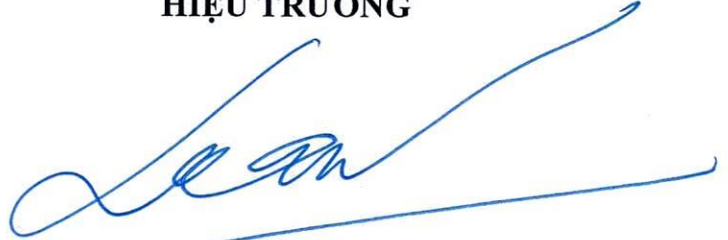
TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	624,30	543,42
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	-	-
II	Thu giáo dục và đào tạo	624,23	543,19
1	Học phí, lệ phí từ người học	548,85	470,96
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	35,33	33,62
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	-	-
4	Thu khác	40,06	38,60
III	Thu khoa học và công nghệ	0,07	0,23
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	0,07	0,23
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	-	-
3	Thu khác	-	-
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	-	-
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	410,55	321,81
I	Chi lương, thu nhập	75,16	73,78
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	50,49	48,53
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	24,68	25,26
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	222,89	212,59
1	Chi cho đào tạo	11,48	34,27
2	Chi cho nghiên cứu	21,17	36,55
3	Chi cho phát triển đội ngũ	1,32	0,31
4	Chi phí chung và chi khác	188,92	141,45
III	Chi hỗ trợ người học	110,34	33,67
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	76,8	29,08
2	Chi hoạt động nghiên cứu	2,59	0,29
3	Chi hoạt động khác	30,94	4,29
IV	Chi khác	2,17	1,77
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	213,75	221,61

Trên đây là báo cáo công khai của Trường Đại học Thủ Dầu Một theo tinh thần Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân./. 

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, VP (Thảo).

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Ngọc Xuân

Phụ lục
DANH MỤC VĂN BẢN NỘI BỘ

(Kèm theo Báo cáo số: 64 /BC-ĐHTDM ngày 18 tháng 6 năm 2025
của Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	LĨNH VỰC	SỐ VĂN BẢN, NGÀY BAN HÀNH	TRÍCH YẾU NỘI DUNG	GHI CHÚ
1.	Quản trị đại học	02/NQ-HĐT ngày 15/9/2023	Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một nhiệm kỳ 2023-2028	
2.	Quản trị đại học	45/NQ-HĐT ngày 29/8/2024	Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường Trường Đại học Thủ Dầu Một	
3.	Quản trị đại học	36/NQ-HĐT ngày 01/7/2023	Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
4.	Quản trị đại học	91/NQ-HĐT ngày 28/3/2025	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một ban hành kèm theo Nghị quyết 36/NQ-HĐT ngày 01/7/2024	
5.	Quản trị đại học	16/NQ-HĐT ngày 06/12/2023	Nghị quyết ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
6.	Quản trị đại học	44/NQ-HĐT ngày 29/8/2024	Nghị quyết sửa đổi Khoản 1, Điều 24 Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một, ban hành theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 06/12/2023	
7.	Quản trị đại học	38/NQ-HĐT ngày 01/7/2023	Nghị quyết ban hành Quy định về quy tắc ứng xử văn hóa của viên chức người lao động và người học của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
8.	Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế	17/NQ-HĐT ngày 06/12/2023	Nghị quyết ban hành Quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động tại Trường Đại học Thủ Dầu Một	
9.	Tổ chức nhân sự, thanh tra và pháp chế	19/NQ-HĐT ngày 06/02/2024	Nghị quyết ban hành Danh mục vị trí việc làm và Khung năng lực vị trí việc làm của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
10.	Đào tạo Đại học	1774/QĐ-ĐHTDM ngày 17/11/2021	Quyết định ban hành Quy chế đào tạo đại học theo học chế tín chỉ	

STT	LĨNH VỰC	SỐ VĂN BẢN, NGÀY BAN HÀNH	TRÍCH YẾU NỘI DUNG	GHI CHÚ
11.	Đào tạo Đại học	1342/QĐ-ĐHTDM ngày 27/11/2023	Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định 1774/QĐ-ĐHTDM ngày 17/11/2021	
12.	Đảm bảo chất lượng	714/QĐ-ĐHTDM ngày 13/6/2023	Quyết định ban hành Quy định về khảo thí, đo lường kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một	
13.	Đảm bảo chất lượng	1021/QĐ-ĐHTDM ngày 10/8/2023	Quyết định ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
14.	Chăm sóc và hỗ trợ người học	37/NQ-HĐT ngày 01/7/2023	Nghị quyết ban hành Quy định về một số chính sách đối với người học của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
15.	Chăm sóc và hỗ trợ người học	1976/QĐ-ĐHTDM ngày 25/12/2024	Quyết định ban hành Quy chế học bổng đối với sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Thủ Dầu Một	
16.	Tài chính – Kế toán	793/QĐ-ĐHTDM ngày 28/6/2024	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024 của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
17.	Tài chính – Kế toán	31/NQ-HĐT ngày 15/4/2024	Nghị quyết ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Thủ Dầu Một	
18.	Khoa học và hợp tác quốc tế	56/NQ-HĐT ngày 20/11/2024	Nghị quyết ban hành Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Thủ Dầu Một giai đoạn 2024 – 2030, tầm nhìn đến năm 2035	
19.	Khoa học và hợp tác quốc tế	79/NQ-HĐT ngày 10/01/2025	Nghị quyết ban hành Chính sách khoa học công nghệ của Trường Đại học Thủ Dầu Một	